TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HC-ST
Ngày 22-8-2018
V/v "khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Minh Châu.

2. Ông Trịnh Văn Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST-HC ngày 03 tháng 01 năm 2018 *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐST-HC ngày 04 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phan Văn T, sinh năm 1944; bà Bùi Thị C, sinh năm 1945; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Phan Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh (theo Giấy ủy quyền lập ngày 12-12-2017 và Giấy ủy quyền lập ngày 20-8-2018). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Thế T, Luật sư của Công ty Luật Đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Bà Trương Thị Phương T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh – là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Thanh M, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh - là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 30-3-2018). (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Phan Văn C, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 12-12-2017 của ông Phan Văn T, bà Bùi Thị C và lời khai của chị Phan Thị T-người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà C trình bày:

Nguồn gốc phần đất mà Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi là của ông T được cha mẹ ông là cụ Phan Văn Đ và cụ Nguyễn Thị H cho. Đến năm 1993, ông T, bà C được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 4.083,5 m^2, quá trình sử dụng đất ông T, bà C được Ủy ban nhân dân huyện B cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ba lần mà không có ai tranh chấp hay khiếu nại.

Năm 2013, anh C và ông T có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ông T yêu cầu hủy hợp đồng và ông được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06-11-2013.

Khoảng tháng 3 năm 2016, anh C khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện B tranh chấp phần đất diện tích 1.501,8 m^2 nằm trong tổng diện tích đất mà ông T, bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó anh C rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện B quyết định đình chỉ vụ án.

Tháng 10 năm 2016 anh C tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện B yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Phan Văn T, bà Bùi Thị C.

Ngày 02-10-2017, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2992/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.004,8 m^2 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH02802 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông T, bà C vào ngày 06-11-2013, với lý do giấy chứng nhận đã cấp không đúng đối tượng sử dụng đất.

Ông T, bà C yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2992/QĐ-UB ngày 02-10-2017 của Ủy ban nhân dân huyện B vì quyết định này xâm phạm quyền lợi hợp pháp của ông, bà.

Theo Văn bản số 74/UBND ngày 24-01-2018 của Ủy ban nhân dân huyện B có nội dung:

Ngày 06-11-2013, Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02802, diện tích 4.083,5 m^2 gồm 02 thửa, thửa 199, diện tích 3.022,6 m^2 và thửa 201, diện tích 1.060,9 m^2, tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại xã T do ông T, bà C đứng tên người sử dụng đất.

Ngày 21-10-2016, anh Phan Văn C có đơn khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B xem xét thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn T, bà Bùi Thị C. Đồng thời cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.500 m^2 cho anh đứng tên, vì nguồn gốc đất là của cụ Phan Văn Đ cho ông Phan Văn S là cha ruột anh vào năm 1949, ông S sử dụng đến năm 2005 ông S chết để lại cho anh sử dụng đến nay.

Căn cứ kết quả đo đạc, thẩm tra, xác minh làm rõ về diện tích đất, nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất thể hiện ông T, bà C không sử dụng diện tích 1.004,8 m^2 mà người sử dụng đất là ông S và anh C.

Ngày 14-7-2017, Uỷ ban nhân dân huyện B ban hành Thông báo số 79/TB-UBND yêu cầu ông T, bà C giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH02802 để Uỷ ban nhân dân huyện B thu hồi 1.004,8 m^2 thuộc một phần diện tích 3.022,6 m^2 tại thửa đất số 199, tờ bản đồ số 20, với lý do: Giấy chứng nhận đã cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, quy định tại điểm d, Khoản 2, Điều 106 Luật Đất đai số 45/2013/QH13, nhưng ông T, bà C không giao nộp giấy chứng nhận nêu trên.

Căn cứ điểm c, Khoản 4 và Khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và điểm c, Khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, ngày 02-10-2017 Uỷ ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2992/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 1.004,8 m^2 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH02802 do Uỷ ban nhân dân huyện B cấp cho ông T, bà C ngày 06-11-2013.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân huyện B giữ nguyên Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 02-10-2017, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn C trình bày:

Phần đất đang tranh chấp giữa anh và ông T, bà C có diện tích 1.004,8 m^2, nguồn gốc đất là của cụ Phan Văn Đ và cụ Nguyễn Thị H cho cha anh tên Phan Văn S vào năm 1949, gia đình anh đã quản lý, sử dụng đất cho đến khi phát sinh tranh chấp. Ông S có trồng một số cây trên đất như cây mì, điều. Năm 1993, anh có trồng thêm tre và tầm vong. Quá trình sử dụng đất anh có thuê người móc gốc cây rừng, đào mương, ông T biết nhưng không ngăn cản.

Năm 2013 anh phát hiện ông T, bà C được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm phần đất diện tích 1.004,8 m^2 mà anh đang sử dụng. Ông T đồng ý trả lại đất cho anh bằng việc ký hợp đồng

chuyển nhượng đất. Nhưng sau đó ông T không đồng ý trả lại đất và yêu cầu hủy bỏ hợp hợp đồng chuyển nhượng nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 02-10-2017 thu hồi diện tích đất 1.004,8 m^2 trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH02802 do Uỷ ban nhân dân huyện B cấp cho ông T, bà C ngày 06-11-2013 là đúng vì ông T không sử dụng phần đất này mà chỉ có cha anh và anh sử dụng. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C.

Ý kiến của luật sư Nguyễn Thế T- người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T, bà C trình bày: Về thủ tục giải quyết khiếu nại về đất đai được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 204 của Luật Đất đai năm 2013.

Ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1993, cấp đổi vào năm 2009 và 2013. Năm 2013 anh C đã phát hiện đất anh sử dụng đã được cấp giấy cho ông T nhưng anh không khiếu nại đến ngày 21-10-2016 anh mới khiếu nại nên căn cứ vào Khoản 6 Điều 21 của Luật Khiếu nại năm 2011 thì đã hết thời hiệu. Mặt khác, Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 02-10-2017 thu hồi diện tích đất 1.004,8 m^2 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T, bà C không hiểu là thu hồi đất hay thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những ý kiến trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C hủy bỏ Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 02-10-2017 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

*Về tố tụng**:*** Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định về thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử.Vụ án đã được mở phiên tòa xét xử vào ngày 30-5-2018 nhưng phải tạm ngưng sau đó có quyết định tạm đình chỉ vụ án. Ngày 03-8-2018 có quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và ngày 04-8-2018 có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm hành chính theo quy định tại các Điều 20, 38, 39, 41, 122, 123, 125, 126, 130, 143, 145, 147, 148, 166, 169 và Điều 189 Luật Tố tụng hành chính.

Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

Về nội dung:

Xác định đây là quan hệ pháp luật hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai (không phải là tranh chấp quyền sử dụng đất) được quy định tại điểm d, Khoản 2, Điều 106 Luật Đất đai, điểm c, Khoản 4 và Khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và điểm c, Khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số của nghị định quy

định chi tiết thi hành Luật Đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Uỷ ban nhân dân huyện B.

Có cơ sở xác định ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 1993, cấp lại vào năm 2009 và cấp đổi vào năm 2013. Tại các thời điểm cấp giấy nêu trên không có ai tranh chấp, khiếu nại kể cả ông S (chết 2005) và anh C, đến ngày 16-10-2016 anh C mới có đơn khiếu nại. Như vậy, tính từ năm 2013 thì cũng quá thời hiệu khiếu nại theo Luật Đất đai và Luật Khiếu nại.

Việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 02-10-2017 thu hồi diện tích đất 1.004,8 m^2 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T, bà C là không đúng theo quy định của Luật Đất đai.

Đối với diện tích đất anh C khiếu nại từ trước đến nay ông S và anh C không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, không đóng thuế. Các bên đều thừa nhận đất cha mẹ cho nhưng không có giấy tờ, chị em ông T có người khai cha mẹ cho ông S, có người khai cho ông T vì ông T là con út. Năm 2013, ông T có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh C vì nghe anh C nói ông T có lấn qua đất anh C vài mét nhưng sau đó ông T phát hiện anh C chuyển nhượng diện tích 1.501,8 m^2 nên ông T không đồng ý, yêu cầu hủy bỏ giấy chứng nhận đã cấp cho anh C.

Như vậy, không có cơ sở xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà C là cấp không đúng đối tượng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C về việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 02-10-2017 của Ủy ban nhân dân huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 02-10-2017, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 2992/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.004,8 m^2 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02802 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 06-11-2003 cho ông Phan Văn T, bà Bùi Thị C đứng tên sử dụng.

Ngày 04-10-2017, ông T, bà C nhận được Quyết định số 2992/QĐ-UBND. Đến ngày 12-12-2017 ông T, bà C khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 2992/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện B. Đây là khiếu kiện quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh được quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, do đó Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Đơn khởi kiện của ông T, bà C còn trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Trần Thanh M có văn bản xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Theo quy định tại điểm d, Khoản 2, Điều 106 Luật Đất đai, điểm c, Khoản 4 và Khoản 7 Điều 87 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và điểm c, Khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 02-10-2017 là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung:

[3.1] Ông T cho rằng phần đất rừng có diện tích là 4.083,5m^2 (trong đó bao gồm phần đất diện tích 1.004,8 m^2 đang tranh chấp) là của cha mẹ - cụ Phan Văn Đ (chết năm 1976) và cụ Nguyễn Thị H (chết năm 1993). Khi còn sống cha mẹ đã cho ông toàn bộ diện tích đất rừng nêu trên nhưng có nói để cho anh em trong gia đình sử dụng cây rừng nên ông mới để cho anh là ông S, chị là Phan Thị Đ sử dụng cây rừng.

Anh C cho rằng diện tích đất 1.004,8 m^2 là do ông bà nội (cụ Đ và cụ H) cho cha anh là ông S. Trước đây là đất rừng, sau khi cha anh chết đến năm 2011 anh tiến hành cưa cắt cây rừng, mốc mương nước, mốc gốc cây rừng, sang phẳng đất và sản xuất trên đất thì ông T phát sinh tranh chấp và đến nay vẫn chưa giải quyết xong.

Xét thấy, lời khai của các bên đương sự không thống nhất và không có giấy tờ thể hiện diện tích đất trên cụ Đ và cụ H cho ai. Trong ba người chị ông T còn sống có lời khai (BL số 49, 92 và 93) thì hai người nói rằng đất này cha mẹ cho ông T, một người nói cho ông S. Do toàn bộ diện tích 4.083,5m^2 trước đây là đất rừng nên việc quản lý, khai thác, sử dụng cũng chưa được xác định rõ ông S, ông T sử dụng diện tích là bao nhiêu, ông S và anh C sử dụng đất có liên tục không. Theo đơn khởi kiện lập ngày 07-3-2016 của anh C yêu cầu ông T trả diện tích đất là 1.500 m^2. Tại biên bản đo đạc, thẩm định do Tòa án nhân dân huyện B lập ông T và ông C xác định diện tích đất tranh chấp là 1.383 m^2. Còn diện tích đất anh C yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T là 1.004,8 m^2. Vì sao có sự thay đổi diện tích đất tranh chấp chưa được làm rõ.

[3.2] Việc anh C khiếu nại đến Ủy ban nhân huyện B đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện B. Việc Ủy ban nhân huyện B thụ lý là đúng thẩm quyền nhưng trong quá trình giải quyết khiếu nại Ủy ban nhân huyện B không xem xét đến đất có đang tranh chấp hay không, ai là người được quyền sử dụng

đất, đất có được kê khai, đăng ký đúng theo quy định của pháp luật đất đai hay không mà chỉ lý lẽ rằng ông T không sử dụng đất nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng đối tượng để thu hồi diện tích 1.004,8 m^2 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T là không giải quyết đúng bản chất sự việc, thiếu căn cứ. Đúng hơn, trong quá trình giải quyết khiếu nại phát hiện anh C và ông T đang tranh chấp quyền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân huyện B hướng dẫn hai bên khởi kiện ra Tòa giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, đồng thời yêu cầu hủy quyết định cá biệt mới đúng.

[3.3] Từ phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C; chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh hủy Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 23-3-2017 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi phần đất diện tích 1.004,8m^2 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH02802 do Uỷ ban nhân dân huyện B cấp cho ông T, bà C vào ngày 06-11-2013.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Phan Văn T, bà Bùi Thị C không phải chịu án phí; Ủy ban nhân dân huyện B chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, Khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T, bà Bùi Thị C;

Hủy Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 02-10-2017 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh về việc thu hồi diện tích đất 1.004,8m^2 trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH02802 do Uỷ ban nhân dân huyện B cấp cho ông T, bà C vào ngày 06-11-2013.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phan Văn T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0000424 ngày 02-01-2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số 0000425 ngày 02-01-2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ủy ban nhân dân huyện B có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hữu Chiến

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS.TTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.
- Lưu THC

.